**MA TRẬN - BẢN ĐẶC TẢ - ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I KHTN 7**

***a) Ma trận***

**- Thời điểm kiểm tra:** *Kiểm tra giữa học kì I.*

**- Thời gian làm bài:**90 phút.

**- Hình thức kiểm tra:** *Kết hợp giữa trắc nghiệm và tự luận (tỉ lệ 50% trắc nghiệm, 50% tự luận).*

**- Cấu trúc:**

- Mức độ đề:*40% Nhận biết; 30% Thông hiểu; 20% Vận dụng; 10% Vận dụng cao.*

- Phần trắc nghiệm: 5,0 điểm, gồm 20 câu hỏi (ở mức độ nhận biết: 12 câu, thông hiểu 8 *câu)*

- Phần tự luận: 5,0 điểm(Nhận biết: 1 điểm, *Thông hiểu: 1 điểm; Vận dụng: 2 điểm; Vận dụng cao: 1 điểm)*

| **Chủ đề** | **MỨC ĐỘ** | | | | | | | | **Tổng số** | | **Điểm số** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |
| **Tự luận** | **Trắc nghiệm** | **Tự luận** | **Trắc nghiệm** | **Tự luận** | **Trắc nghiệm** | **Tự luận** | **Trắc nghiệm** | **Số ý tự luận** | **Số câu trắc nghiệm** |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 |
| 1. **Mở đầu**   **(6 tiết)** |  | **3**  **(0,75)** |  | **4**  **(1)** |  |  |  |  |  | **7** | **1,75** |
| **2. Nguyên tử. Nguyên tố hóa học**  **(8 tiết)** |  | **4**  **(1)** | **1**  **(1)** | **1**  **(0,25)** |  |  |  |  | **1** | **5** | **2,25** |
| **3. Phân tử . Liên kết hoá học**  **(13 tiết)** | **1**  **(1,0)** | **3**  **(0,75)** |  | **1**  **(0,25)** | **1**  **(2,0)** |  |  |  | **2** | **4** | **4** |
| **4. Sơ lược về bảng tuần hoàn các nguyên tố hoá học**  **(7 tiết)** |  | **2**  **(0,5)** |  | **2**  **(0,5)** |  |  | **1**  **(1,0)** |  | **1** | **4** | **2** |
| **Số ý TL/**  **Số câu TN** | **1** | **12** | **1** | 8 | **1** |  | **1** |  | **4** | **20** | **10,00** |
| **Điểm số** | **1** | **3** | **1** | **2** | **2,0** |  | **1** |  | **5,0** | **5,0** | **10** |
| **Tổng số điểm** | **4,0 điểm** | | **3,0 điểm** | | **2,0 điểm** | | **1,0 điểm** | | **10 điểm** | | **10 điểm** |

**b) Bản đặc tả**

| **Nội dung** | **Mức độ** | **Yêu cầu cần đạt** | **Số ý TL/số câu hỏi TN** | | **Câu hỏi** | |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TL  (Số ý) | TN  (Số câu) | TL  ( Số ý) | TN  (câu số) |
| **Mở đầu (6 tiết)** | | |  | **7** |  | **7** |
| **Mở đầu** | **Nhận biết** | Trình bày được một số phương pháp và kĩ năng trong học tập môn Khoa học tự nhiên |  | 3 |  | C1  C2  **C12** |
| **Thông hiểu** | - Thực hiện được các kĩ năng tiến trình: quan sát, phân loại, liên kết, đo, dự báo.  - Sử dụng được một số dụng cụ đo (trong nội dung môn Khoa học tự nhiên 7). |  | 4 |  | C3  C4  **C11**  **C18** |
| **Vận dụng** |  |  |  |  |  |
| **Nguyên tử. Nguyên tố hóa học (8 tiết)** | | | **1** | **5** | **1** | **5** |
| **Nguyên tử** | **Nhận biết** | – Trình bày được mô hình nguyên tử của Rutherford – Bohr (mô hình sắp xếp electron trong các lớp vỏ nguyên tử).  – Nêu được khối lượng của một nguyên tử theo đơn vị quốc tế amu (đơn vị khối lượng nguyên tử). |  | 4 |  | C5  C6  C7  C8 |
| **Nguyên tố hoá học** | **Thông hiểu** | – Phát biểu được khái niệm về nguyên tố hoá học và kí hiệu nguyên tố hoá học.  – Viết được công thức hoá học và đọc được tên của 20 nguyên tố đầu tiên | 1 | 1 | C23  (ý a,b) | C19 |
| **Vận dụng** |  |  |  |  |  |
| **Phân tử (13 tiết)** | | | **2** | **4** | **2** | **4** |
| **Phân tử; đơn chất; hợp chất** | **Nhận biết** | - Nêu được khái niệm phân tử, đơn chất, hợp chất. |  | 3 |  | C9  C10  C17 |
| **Thông hiểu** | - Đưa ra được một số ví dụ về đơn chất và hợp chất.  – Tính được khối lượng phân tử theo đơn vị amu. |  |  |  |  |
| **Giới thiệu về liên kết hoá học (ion, cộng hoá trị)** | **Thông hiểu** | – Nêu được mô hình sắp xếp electron trong vỏ nguyên tử của một số nguyên tố khí hiếm; sự hình thành liên kết cộng hoá trị theo nguyên tắc dùng chung electron để tạo ra lớp vỏ electron của nguyên tố khí hiếm (Áp dụng được cho các phân tử đơn giản như H2, Cl2, NH3, H2O, CO2, N2,….).  – Nêu được sự hình thành liên kết ion theo nguyên tắc cho và nhận electron để tạo ra ion có lớp vỏ electron của nguyên tố khí hiếm (Áp dụng cho phân tử đơn giản như NaCl, MgO,…)  – Chỉ ra được sự khác nhau về một số tính chất của chất ion và chất cộng hoá trị. |  | 1 |  | C20 |
| **Hoá trị; công thức hoá học** | **Nhận biết** | – Trình bày được khái niệm về hoá trị (cho chất cộng hoá trị). Cách viết công thức hoá học.  – Nêu được mối liên hệ giữa hoá trị của nguyên tố với công thức hoá học. | 1 |  | C21 |  |
| **Thông hiểu** | – Viết được công thức hoá học của một số chất và hợp chất đơn giản thông dụng.  – Tính được phần trăm (%) nguyên tố trong hợp chất khi biết công thức hoá học của hợp chất |  |  |  |  |
| **Vận dụng** | – Xác định được công thức hoá học của hợp chất dựa vào phần trăm (%) nguyên tố và khối lượng phân tử. | 1 |  | C22 |  |
| **Sơ lược về bảng tuần hoàn các nguyên tố hoá học (7 tiết)** | | | **1** | **4** | **1** | **4** |
| **Sơ lược về bảng tuần hoàn các nguyên tố hoá học** | **Nhận biết** | – Nêu được các nguyên tắc xây dựng bảng tuần hoàn các nguyên tố hoá học.  – Mô tả được cấu tạo bảng tuần hoàn gồm: ô, nhóm, chu kì. |  | 1  1 |  | C13  C14 |
| **Thông hiểu** | Sử dụng được bảng tuần hoàn để chỉ ra các nhóm nguyên tố/nguyên tố kim loại, các nhóm nguyên tố/nguyên tố phi kim, nhóm nguyên tố khí hiếm trong bảng tuần hoàn. |  | 2 |  | C15  C16 |
| **Vận dụng cao** | - Phân biệt nguyên tố kim loại, nguyên tố phi kim trong hệ thống bảng tuần hoàn.  - Liên hệ thực tế trong đời sống nêu ứng dụng của một số nguyên tố. | 1 |  | C24  Ý a  Ý b |  |

**c) Đề kiểm tra**

**ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2022-2023**

**MÔN KHOA HỌC TỰ NHIÊN LỚP 7**

Thời gian làm bài 90 phút

**I. Trắc nghiệm khách quan: (5 diểm)**

**Câu 1: Cho các bước thực hiện kĩ năng đo sau:**

(1) Thực hiện phép đo, ghi kết quả đo và xử lí số liệu đo.

(2) Nhận xét độ chính xác của kết quả đo, căn cứ vào loại dụng cụ đo và cách đo.

(3) Ước lượng để lựa chọn dụng cụ/ thiết bị đo phù hợp.

(4) Phân tích kết quả và thảo luận về kết quả nghiên cứu thu được.

Trong thứ tự các bước thực hiện phép đo, thứ tự nào đúng?

|  |  |
| --- | --- |
| A. 3 -1 - 2 - 4 | B. 1 - 4 - 2 - 3 |
| C. 1 - 3 - 2 - 4 | D. 4 -3 - 2 -1 |

**Câu 2:Hiện tượng không phải là hiện tượng tự nhiên thông thường trên trái đất.**

A. Hạn hán. B. Mưa dông kèm theo sấm sét.

C. Công nhân đốt rác. D. Lũ lụt.

**Câu 3: Phương pháp tìm hiểu môn khoa học tự nhiên gồm các nội dung:**

1. Đưa ra các dự đoán khoa học để giải quyết các vấn đề.

2. Thực hiện kế hoạch kiểm tra dự đoán.

3. Viết báo cáo. Thảo luận và trình bày báo cáo khi được yêu cầu.

4. Lập kế hoạch kiểm tra dự đoán.

5. Đề xuất vấn đề cần tìm hiểu.

Thứ tự đúng của phương pháp tìm hiểu môn khoa học tự nhiên là:

|  |  |
| --- | --- |
| A. 1 - 2 -3 -4 -5. | B. 5 - 1 - 4 - 2 - 3. |
| C. 1 - 3 - 5 - 2 -4. | D. 5 - 4 -3 - 2 -1. |

**Câu 4: Trong các đồng hồ sau đồng hồ nào là đồng hồ đo thời gian hiện số sử dụng cổng quang.**

|  |  |
| --- | --- |
| A. Đồng hồ nước.  C. Đồng hồ cát. | B. Đồng hồ đo thời gian hiện số.  D. Đồng hồ điện tử. |

**Câu 5:** **Nguyên tử có khả năng liên kết với nhau do nhờ có loại hạt nào?**

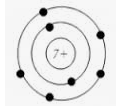
A. Electron. B. Proton. C. Nơtron. D. Hạt nhân

**Câu 6:** **Nguyên tử khối là khối lượng của một nguyên tử tính bằng đơn vị nào?**

A. gam B. kilôgam

C. amu D. cả 3 đơn vị trên

**Câu 7:** **Đây là sơ đồ nguyên tử nguyên tố nào?**



A. Na. B. N. C. Al. D. O.

**Câu 8:** **Nguyên tố Aluminium kí hiệu là gì:**

A. Al. B. Fe. C. Ag. D. Ar.

**Câu 9: Đơn chất là chất tạo nên từ:**

A. một chất. B. một nguyên tố hoá học.

C. một nguyên tử. D. một phân tử.

**Câu 10:Dựa vào dấu hiệu nào sau đây để phân biệt phân tử đơn chất với phân tử hợp chất?**

A. Hình dạng của phân tử. B. Kích thước của phân tử.

C. Số lượng nguyên tử trong phân tử. D. Nguyên tử cùng loại hay khác loại.

**Câu 11:** Một bản báo cáo thực hành cần có những nội dung nào, sắp xếp lại theo thứ tự nội dung bản báo cáo.

(1). Kết luận. (2). Mục đích thí nghiệm. (3). Kết quả.

(4). Các bước tiến hành (5). Chuẩn bị (6). Thảo luận

A. (1) - (2) - (3) - (4) - (5) - (6).

**B. (2) - (5) - (4) - (3) - (6) - (1).**

C. (1) - (2) – (6) - (3) - (5) - (4).

D. (2) - (1) - (3) - (5) - (6)- (4).

**Câu 12:** “Trên cơ sở các sổ liệu và phân tích số liệu, con người có thể đưa ra các dựbáo hay dự đoán tính chất của sự vật, hiện tượng, nguyên nhân của hiệntượng!” Đó là kĩ năng nào?

A. Kĩ năng quan sát, phân loại. B. Kĩ năng liên kết tri thức.

C. Kĩ năng dự báo. D. Kĩ năng đo.

**Câu 13: Bảng tuần hoàn các nguyên tố hóa học được sắp xếp theo nguyên tắc:**

A. chiều nguyên tử khối tăng dần.

B. chiều điện tích hạt nhân tăng dần.

C. tính kim loại tăng dần.

D. tính phi kim tăng dần.

**Câu 14:** **Số thứ tự nhóm trong bảng hệ thống tuần hoàn cho biết**

A. số electron lớp ngoài cùng. B. số thứ tự của nguyên tố.

C. số hiệu nguyên tử. D. số lớp electron.

**Câu 15 :** **Dãy nào sau đây thể hiện mức độ hoạt động hóa học của kim loại tăng dần:**

A. Be, Fe, Ca, Cu. B. Ca, K, Mg, Al.

C. Al, Zn, Co, Ca. D. Li, Na, K, Cs.

**Câu 16:** **Dãy các nguyên tố sắp xếp theo chiều tính phi kim tăng dần:**

A. Mg, Na, Si, P. B. Ca, P, B, C.

C. C, N, O, F. D. O, N, C, B.

**Câu 17. Có những hạt nào được tìm thấy trong hạt nhân của nguyên tử?**

A. Các hạt mang điện tích âm (electron).

B. Các hạt neutron và hạt proton.

C. Các hạt neutron không mang điện.

D. Hạt nhân nguyên tử không chứa hạt nào bên trong

**Câu 18.** Cho các bước sau:

(1) Thực hiện phép đo, ghi kết quả đo và xử lí số liệu đo.

(2) Ước lượng để lựa chọn dụng cụ/thiết bị đo phù hợp.

(3) Phân tích kết quả và thảo luận về kết quả nghiên cứu thu được.

(4) Đánh giá độ chính xác của kết quả đo căn cứ vào loại dụng cụ đo và cách đo.

Trình tự các bước hình thành kĩ năng đo là:

A. (1) (2) (3) (4).

B. (1) (3) (2) (4).

C. (3) (2) (4) (1).

D. (2) (1) (4) (3).

**Câu 19**. **Nguyên tố phi kim không thuộc nhóm nào sau đây trong bảng tuần hoàn các nguyên tố hoá học?**

A. Nhóm IA. B. Nhóm IVA. C. Nhóm IIA. D. Nhóm VIIA

**Câu 20**. **Phát biểu nào sau đây KHÔNG đúng?**

A. Liên kết trong các phân tử đơn chất thường là liên kết cộng hoá trị.

B. Sau khi các nguyên tử liên kết với nhau, số electron ở lớp ngoài cùng sẽ giống nguyên tố khí hiếm.

C. Liên kết giữa các nguyên tố phi kim thường là liên kết cộng hoá trị.

D. Liên kết giữa nguyên tố kim loại với nguyên tố phi kim đều là liên kết ion.

**II. Tự luận: ( 5 điểm)**

**Câu 21. (1,0 điểm):** Xác định hoá trị của các nguyên tố có trong hợp chất sau: CaO; CH4

**Câu 22 (2,0 điểm):** Tìm CTHH của hợp chất X có thành phần phần trăm theo khối lượng các nguyên tố gồm: 52,17% cacbon, 13,05% hidro và 34,78 % oxi. Biết phân tử khối của X là 46.

**Câu 23 (1 điểm):**

a) Nguyên tố hoá học là gì?

b) Gọi tên các nguyên tố có kí hiệu hoá học sau: O, N

**Câu 24( 1điểm):** Cho các nguyên tố sau: P, Ba, Rb, Cu, Fe, Ne, Si

a) Sử dụng bảng tuần hoàn, hãy cho biết trong các nguyên tố trên, nguyên tố nào là kim loại, nguyên tố nào là phi kim

b) Nêu ứng dụng trong đời sống của một nguyên tố trong số các nguyên tố trên.

**Đáp án - Biểu điểm**

**I.Phần trắc nghiệm:**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 | 18 | 19 | 20 |
| A | C | B | B | A | C | B | A | B | D | B | C | B | A | D | C | B | D | A | A |

**(Mỗi câu chọn đúng được 0,25 điểm)**

**II.Phần tự luận:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Đáp án** | Biểu điểm |
| **21** | Ca: II  C: IV | 0,5  0,5 |
| **22** | CTHH chung của X là CxHyOz (x, y, z N\*)  Theo đề bài ta có:      Vậy CTHH của X là C2H6O. | 0,5  0,5  0,5  0,5 |
| **23** | a) Nguyên tố hoá học là tập hợp những nguyên tử cùng loại và có cùng số proton trong hạt nhân  B) O: Oxygen, N: Nitrogen | 0,5  0,5 |
| **24** | a) Các nguyên tố kim loại là: Ba, Rb, Cu, Fe  - Các nguyên tố phi kim là: P, Si  b) Ứng dụng của nguyên tố Nhôm (Al) trong đời sống  - Được dùng để chế tạo máy bay, ô tô, tên lửa, tàu vũ trụ  - Dùng trong xây dựng nhà cửa và trang trí nội thất | 0,25  0,25  0,25  0,25 |